

Biểu 7
ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THÁNG 5 NĂM 2026

A. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

Stt	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Ngành Sư phạm Toán học	19	1	4	14	2	
2	Ngành Sư phạm Tin học	12		3	9	3	
3	Ngành Sư phạm Vật lí	10		4	6	2	
4	Ngành Sư phạm Sinh học	7		1	6	3	1
5	Ngành Sư phạm Hóa học	8		1	7	3	
6	Ngành Sư phạm Lịch sử	9	1	2	6	1	
7	Ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí	11		2	9	2	
8	Ngành Sư phạm Địa lý	8		2	6	2	
9	Ngành Giáo dục Chính trị	10		3	7		
10	Ngành Giáo dục Công dân	7		1	6	1	
11	Ngành Sư phạm Ngữ văn	21		6	15	4	
12	Ngành Giáo dục học	6		2	4	2	
13	Ngành Tâm lý học giáo dục	6		2	4	1	
14	Ngành Giáo dục Mầm non	53	1	10	42	13	
15	Ngành Giáo dục Tiểu học	46		19	27	12	
16	Ngành Sư phạm Tiếng Anh	22	3	14	5	1	
17	Ngành Giáo dục Thể chất	11		6	5		
18	Ngành Huấn luyện thể thao	8		6	2	1	
19	Ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên	11	1	2	8	4	
20	Ngành Sư phạm Âm nhạc	7		3	4	1	
21	Ngành Sinh học ứng dụng	5	1		4	1	
22	Ngành Ngôn ngữ Anh	5	1	2	2		
Tổng cộng		302	9	95	198	59	1

PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC
TRƯỞNG PHÒNG



TS. Nguyễn Thị Ngân

HIỆU TRƯỞNG


PGS. TS Mai Xuân Trường

B. Công khai thông tin về danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn

STT	Họ và tên	MSCB	Năm sinh	Giới tính	Trình độ	Chức danh (GS,P GS)	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu chính
	Khoa Toán								
1	Bùi Thị Hạnh Lâm	DS0285	1980	Nữ	TS		Khoa học Giáo dục	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Lý luận và PPDH bộ môn toán
2	Giáp Văn Sự	DS0596	1989	Nam	TS		Toán ứng dụng	Toán ứng dụng	Toán học ứng dụng
3	Hà Đức Mạnh	DS0778	2003	Nam	ĐH		Toán học	Toán học	Toán học
4	Hoàng Ngọc Yến	DS0660	1991	Nữ	TS		Toán học	Đại số và lý thuyết số	Đại số giao hoán
5	Lê Bích Liên	DS0264	1982	Nữ	Th.S		Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính
6	Lê Quang Ninh	DS0262	1983	Nam	TS		Toán học	Toán học	Toán học
7	Lê Thị Diễm Quỳnh	DS0759	2001	Nữ	Th.S		Toán học	LL và PP dạy học bộ môn Toán	LL và PP dạy học bộ môn Toán
8	Ngô Thị Tú Quyên	DS0263	1978	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Khoa học máy tính, Lí luận và phương pháp dạy học
9	Ngô Đình Đức	DS0767	1998	Nam	Th.S		Đại số và lý thuyết số	Đại số và lý thuyết số	Đại số và lý thuyết số
10	Nguyễn Thị Ánh Hằng	DS0659	1991	Nữ	TS		Toán học	Đại số và lý thuyết số	Đại số và lý thuyết số
11	Nguyễn Thị Ngân	DS0260	1969	Nữ	TS		Toán học	Toán Giải tích	Toán Giải tích

12	Nguyễn Thị Thu Hiền	DS0277	1983	Nữ	TS		Máy tính	Hệ thống Thông tin	Cơ sở dữ liệu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, khai phá dữ liệu
13	Nguyễn Thị Tuyết Mai	DS0556	1969	Nữ	TS		Toán học	Toán giải tích	Toán giải tích (Thác triển ánh xạ chỉnh hình trong giải tích phức và một số vấn đề liên quan)
14	Nguyễn Văn Ninh	DS0293	1987	Nam	Th.S		Toán học	Hình học	Hình học và tô pô
15	Nguyễn Văn Thìn	DS0615	1988	Nam	TS	PGS	Toán học	Toán Giải tích	Lý thuyết Nevanlinna và ứng dụng, Phương trình đạo hàm riêng thứ, Hình số học, Lý thuyết hệ động lực
16	Nguyễn Văn Trường	DS0273	1978	Nam	TS		Toán học	Cơ sở Toán học cho Tin học	Tính toán mềm
17	Nông Quỳnh Vân	DS0269	1985	Nữ	TS		Xác suất thống kê	Xác suất thống kê	Probability Theory, Statistical Inference
18	Phạm Thị Thủy	DS0259	1972	Nữ	TS		Toán học	Toán giải tích	Phương trình đạo hàm riêng
19	Phạm Văn Tiến	DS0142	1969	Nam	Th.S		Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính
20	Phan Thị Phương Thảo	DS0286	1977	Nữ	TS		Khoa học Giáo dục	Lý luận và PPDH	Khoa học Giáo dục
21	Trần Huệ Minh	DS0291	1977	Nữ	TS		Toán học	Hình học - Tô pô	Hình học phức, giải tích phức

Nguyễn

22	Trần Ngọc Hà	DS0275	1984	Nam	TS		Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	Tính toán mềm, Tin sinh học, khai phá dữ liệu
23	Trần Nguyên An	DS0282	1981	Nam	TS	PGS	Toán học	Đại số và lý thuyết số	Đại số và lý thuyết số
24	Trần Việt Cường	DS0287	1982	Nam	TS	PGS	Khoa học giáo dục	Lý luận và PPDH bộ môn toán	Ứng dụng CNTT trong giáo dục; Lý luận và PPDH bộ môn toán
25	Trần Đình Hùng	DS0268	1984	Nam	TS		Toán ứng dụng	Toán ứng dụng	Toán ứng dụng
26	Trần Đỗ Minh Châu	DS0665	1981	Nữ	TS		Đại số và lý thuyết số	Đại số và lý thuyết số	Đại số giao hoán
27	Trịnh Thị Diệp Linh	DS0544	1977	Nữ	TS		Phương trình vi phân, hệ thống động lực học và phương trình tối ưu	Phương trình vi phân, hệ động lực và điều khiển tối ưu	Giải tích, phương trình vi phân
28	Trịnh Thị Phương Thảo	DS0516	1984	Nữ	TS	PGS	Toán học	Lý luận và PPDH Toán	Giáo dục toán học; Ứng dụng CNTT&TT trong giáo dục; Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên; Giáo dục dân tộc
29	Vũ Anh Tuấn	DS0130	1978	Nam	Th.S		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
30	Vũ Thanh Tuyết	DS0575	1981	Nữ	Th.S		Toán học	Toán học	Toán học

31	Đỗ Thị Trinh	DS0284	1977	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học	LL & PPDH môn Toán	LL&PPDH môn Toán
	Khoa Vật lý								
32	Cao Thị Thúy Hải	DS0713	1993	Nữ	Th.S		Vật lý	Vật lý	Vật lý
33	Cao Tiến Khoa	DS0315	1974	Nam	TS		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Văn học nước ngoài
34	Chu Việt Hà	DS0311	1982	Nữ	TS	PGS	Vật lý	Vật lý Chất rắn	Vật lý Chất rắn (Nghiên cứu chế tạo và tính chất của các vật liệu nano quang)
35	Dương Thị Hà	DS0597	1988	Nữ	TS		Vật lý	Vật lý	Vật liệu điện tử
36	Giáp Thị Thùy Trang	DS0304	1987	Nữ	TS	PGS	Vật lý	Vật lý	Mô phỏng cấu trúc, động học và quá trình chuyển pha của các vật liệu kim loại, phi kim, ô xít
37	Lê Thị Hồng Gấm	DS0305	1983	Nữ	Th.S		Vật lý	Vật lý	Kỹ thuật, công nghệ
38	Ngô Tuấn Ngọc	DS0324	1980	Nam	Th.S		Vật lý	Vật lý Vô tuyến & Điện tử	Vật lý Vô tuyến & Điện tử
39	Phạm Mai An	DS0692	1975	Nam	TS		Khoa học vật lý toán	Khoa học vật lý toán	Vật liệu điện tử, Vật liệu quang
40	Trần Quang Hiệu	DS0751	1990	Nam	TS		khoa học giáo dục	khoa học giáo dục	Ứng dụng CNTT trong dạy học Vật lý
41	Đặng Thị Hương	DS0325	1985	Nữ	Th.S		Giáo dục học	Giáo dục học	LL và PP dạy học Vật lý
	Khoa Hóa học								
42	Mai Hà Phương Thảo	DS0746	2000	Nữ	Th.S		Hóa học	Hóa học	Hóa học
43	Ngô Thị Mai Việt	DS0355	1979	Nữ	TS	PGS	Hóa học	Hóa Phân tích	Vật liệu hấp phụ

44	Nguyễn Thị Hiền Lan	DS0342	1972	Nữ	TS	PGS	Hóa học	Hóa Vô cơ	Hóa học phức chất
45	Nguyễn Thị Thanh Hương	DS0654	1972	Nữ	TS		Hóa học	Hóa học	Hóa Hữu cơ
46	Nguyễn Trường Giang	DS0734	1994	Nam	Th.S		Hóa học	Hóa học	Khoa học Giáo dục
47	Vũ Thị Hậu	DS0333	1976	Nữ	TS		Hóa lý	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Hấp phụ, xúc tác
48	Vũ Văn Nhượng	DS0349	1982	Nam	TS		Hóa học	Phân môi trường	Hóa môi trường
49	Đỗ Trà Hương	DS0119	1969	Nữ	TS	PGS	Hóa học	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Hóa lý thuyết và Hóa lý
	Khoa Sinh học								
50	Cao Thị Phương Thảo	DS0369	1969	Nữ	ĐH		Sinh học - KTNN	Sinh học - KTNN	Sinh học - KTNN

Nguyễn



51	Chu Hoàng Mậu	DS0648	1958	Nam	TS	GS	Sinh học	Sinh học	(1) Nghiên cứu di truyền học và sinh học phân tử hiện đại, cụ thể là Genomics, Proteomics như nghiên cứu chức năng gen, chỉ thị phân tử DNA, chỉ thị protein... (2) Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ sinh học trong phân tích tính đa dạng và tính chống chịu của thực vật nhằm cải thiện theo hướng nâng cao khả năng chống chịu của một số giống cây trồng cạn. Cụ thể là: (i) Nghiên cứu tính đa dạng di truyền của một số giống cây địa phương (đậu tương, đậu xanh, lạc, lúa cạn, ngô, khoai tây). (ii) Nghiên cứu đặc tính chống chịu (đặc tính chịu hạn, chịu bệnh) của một số giống
52	Hoàng Phú Hiệp	DS0376	1984	Nam	TS	PGS	Sinh học	Di truyền học	Sinh học
53	Hoàng Thanh Tâm	DS0598	1989	Nữ	TS		Giáo dục học	Giáo dục học	Khoa học giáo dục
54	Khúc Hùng Việt	DS0662	1985	Nam	Th.S		Vật lý	Vật lý	Vật lý

55	Lương Thị Thúy Vân	DS0365	1978	Nữ	TS		Nông nghiệp	Trồng trọt	Khoa học môi trường, Sinh thái học, Dạy học tích hợp ngôn ngữ và nội dung
56	Nguyễn Hữu Thắng	DS0531	1980	Nam	ĐH		Vật lý	Vật lý	Vật lý
57	Nguyễn Phúc Chính	DS0133	1962	Nam	TS	PGS	Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học
58	Nguyễn Quang Hải	DS0326	1978	Nam	Th.S		Kỹ thuật	Điện - Tự động hóa	Kỹ thuật điện – Tự động hóa
59	Nguyễn Quang Linh	DS0321	1982	Nam	PGS	PGS	Khoa học giáo dục	LL&PP GD bộ môn vật lí	Các phương pháp dạy học và các ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kĩ thuật trong dạy học
60	Nguyễn Quốc Dũng	DS0709	1982	Nam	PGS	PGS	Hóa học	Khoa học vật liệu	Vật liệu có cấu trúc nano ứng trong nghiên cứu cảm biến khí, cảm biến điện hóa, cảm biến sinh học, quang tách nước, vật liệu nano và ứng dụng
61	Nguyễn Thị Hằng	DS0371	1976	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	LL&PPDH bộ môn	Khoa học giáo dục



62	Nguyễn Thị Ngọc Lan	DS0373	1979	Nữ	TS	PGS	Sinh học	Sinh lí học thực vật	Sinh lý học thực vật; Nghiên cứu đặc tính chống chịu của cây trồng. Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây dược liệu.
63	Nguyễn Thị Thu Hà	DS0319	1982	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	LL và PP dạy học bộ môn Vật lý
64	Nguyễn Thị Thu Nga	DS0362	1980	Nữ	TS	PGS	Sinh học	Di truyền học	Công nghệ sinh học
65	Nguyễn Thu Trang	DS0747	1998	Nữ	Th.S		LL&PPDH bộ môn Sinh học	LL&PPDH bộ môn Sinh học	LL&PPDH bộ môn Sinh học
66	Nguyễn Viết Thắng	DS0377	1983	Nam	TS		Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường
67	Nguyễn Vũ Bảo	DS0631	1989	Nam	TS		Khoa học sự sống	Khoa học sự sống	Sinh học
68	Phạm Thị Hồng Tú	DS0710	1973	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	LL&PPDH	Dạy học và KTĐG năng lực, DH STEM, dạy học trải nghiệm
69	Phạm Thị Thanh Nhân	DS0363	1982	Nữ	TS	PGS	Công nghệ sinh học	Di truyền học	Kỹ thuật gen di truyền, Sinh học phân tử của tính chống chịu, Công nghệ tế bào thực vật và ứng dụng
70	Trần Thị Huế	DS0351	1986	Nữ	TS		Hóa học	Hóa Phân tích	Hóa phân tích
71	Từ Quang Trung	DS0599	1988	Nam	TS		Nông nghiệp	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Công nghệ sinh học, động vật học và dinh dưỡng động vật

72	Vũ Thị Thu Thủy	DS0374	1975	Nữ	TS	PGS	Sinh học	Di truyền học	(1) Nghiên cứu đặc tính chống chịu hạn của một số giống cây trồng họ đậu và cơ sở sinh lý, hóa sinh, sinh học phân tử của các đặc tính chống chịu đó. (2) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tế bào thực vật nhằm nhân nhanh và cải thiện khả năng chống chịu của cây trồng. (3) Ứng dụng kỹ thuật gen trong nghiên cứu cây dược liệu quý ở Việt Nam
Khoa Ngữ văn									
73	Cao Thị Hảo	DS0205	1976	Nữ	TS	PGS	Văn học	Văn học	- Văn học Việt Nam hiện đại. - Văn học, ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Ứng dụng nghiên cứu văn học vào giảng dạy phổ thông. - Đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài.

ngữ

74	Dương Hoài Thương	DS0762	1993	Nữ	TS		Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam	Văn học Việt Nam, ngôn ngữ Việt Nam.
75	Dương Thu Hằng	DS0192	1978	Nữ	TS	PGS	Văn học	Văn học	Văn học Việt Nam; Ngôn ngữ, văn hóa các dân tộc thiểu số

nghe



76	Ngô Thị Thanh Quý	DS0189	1973	Nữ	TS	PGS	Văn học	Văn học	Văn học dân gian những vấn đề truyền thống và hiện đại - Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết - Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ khoa học liên ngành - Văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam - Nghiên cứu ứng dụng một số phương pháp dạy học hiện đại vào giảng dạy Văn học dân gian Việt Nam trong chương trình Cao đẳng, Đại học - Phát triển CTĐT cử nhân sư phạm Ngữ văn; đọc hiểu văn bản, dạy ngôn ngữ, văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài.
77	Ngô Thu Thủy	DS0206	1983	Nữ	TS		Ngữ văn	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam hiện đại



78	Nguyễn Diệu Thương	DS0614	1986	Nữ	TS		Ngôn ngữ văn học và văn hóa Việt Nam	Ngôn ngữ Việt Nam	Ngôn ngữ học
79	Nguyễn Hoàng Linh	DS0706	1989	Nữ	Th.S		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
80	Nguyễn Hồng Linh	DS0628	1990	Nữ	TS		Ngữ văn	Văn học Trung Quốc cổ đại	Văn học trung đại Việt Nam, Tiếng Việt, Văn hóa phương Đông, Ngôn ngữ học, Văn học cổ đại Trung Hoa, Tiếng Trung
81	Nguyễn Kiến Thọ	DS0504	1968	Nam	TS		Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam hiện đại; Văn hóa/văn học các dân tộc thiểu số...
82	Nguyễn Thị Cẩm Anh	DS0214	1987	Nữ	TS		Văn học hiện đương đại Trung Quốc	Văn học hiện đương đại Trung Quốc	Văn học nước ngoài
83	Nguyễn Thị Hạnh Phương	DS0180	1976	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học; Khoa học về ngữ văn
84	Nguyễn Thị Kiều Hương	DS0627	1987	Nữ	TS		Văn học	Văn học	Văn học, Lí luận Văn học, Ngôn ngữ
85	Nguyễn Thị Minh Thu	DS0188	1981	Nữ	TS	PGS	Văn học	Văn học	Văn học dân gian, Văn học, Văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số

86	Nguyễn Văn Trung	DS0677	1989	Nam	TS		Văn học	Văn học cổ đại Trung Quốc	Văn trung đại Việt Nam, Ngữ văn Hán Nôm, Văn học cổ đại Trung Quốc, Ngôn ngữ học.
87	Nông Thị Quỳnh Trâm	DS0208	1982	Nữ	TS		Ngôn ngữ, văn học và Nghệ thuật	Ngôn ngữ, văn học và Nghệ thuật	Ngôn ngữ, văn học và Nghệ thuật
88	Ôn Thị Mỹ Linh	DS0198	1982	Nữ	TS		Nhân học văn hóa/Nhân chủng học châu Âu	Văn học nước ngoài	Văn học nước ngoài, Văn học so sánh, Nhân học văn hóa, Văn học so sánh, Văn học và văn hóa, Văn học hậu hiện đại.
89	Phùng Văn Tân	DS0145	1978	Nam	Th.S		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
90	Vi Phương Thùy	DS0572	1983	Nữ	Th.S		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
91	Đào Thị Hồng Hạnh	DS0590	1988	Nữ	Th.S		Khoa học giáo dục	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn-tiếng Việt	Khoa học giáo dục
92	Đinh Thị Hải Yến	DS0141	1971	Nữ	Th.S		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
93	Đỗ Thị Tuyết Lan	DS0701	1977	Nữ	Th.S		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
	Khoa Lịch sử								
94	Bùi Lê Ban	DS0715	1986	Nữ	Th.S		Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
95	Hà Thị Thu Thủy	DS0219	1975	Nữ	TS	PGS	Sử học	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Việt Nam

96	Lê Thị Thu Hương	DS0218	1969	Nữ	Th.S		Lịch sử Việt Nam	Khoa học xã hội và nhân văn	Chuyên ngành Lịch sử
97	Mai Văn Nam	DS0235	1986	Nam	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận & Phương pháp dạy học lịch sử	Lý luận & Phương pháp dạy học lịch sử
98	Nghiêm Thị Hải Yến	DS0225	1974	Nữ	TS		Lịch sử Thế giới	Lịch sử Thế giới	+ Lịch sử quan hệ quốc tế. + Lịch sử Đông Nam Á + Chủ nghĩa tư bản. + Chủ nghĩa xã hội hiện thực.



1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525
 526
 527
 528
 529
 530
 531
 532
 533
 534
 535
 536
 537
 538
 539
 540
 541
 542
 543
 544
 545
 546
 547
 548
 549
 550
 551
 552
 553
 554
 555
 556
 557
 558
 559
 560
 561
 562
 563
 564
 565
 566
 567
 568
 569
 570
 571
 572
 573
 574
 575
 576
 577
 578
 579
 580
 581
 582
 583
 584
 585
 586
 587
 588
 589
 590
 591
 592
 593
 594
 595
 596
 597
 598
 599
 600
 601
 602
 603
 604
 605
 606
 607
 608
 609
 610
 611
 612
 613
 614
 615
 616
 617
 618
 619
 620
 621
 622
 623
 624
 625
 626
 627
 628
 629
 630
 631
 632
 633
 634
 635
 636
 637
 638
 639
 640
 641
 642
 643
 644
 645
 646
 647
 648
 649
 650
 651
 652
 653
 654
 655
 656
 657
 658
 659
 660
 661
 662
 663
 664
 665
 666
 667
 668
 669
 670
 671
 672
 673
 674
 675
 676
 677
 678
 679
 680
 681
 682
 683
 684
 685
 686
 687
 688
 689
 690
 691
 692
 693
 694
 695
 696
 697
 698
 699
 700
 701
 702
 703
 704
 705
 706
 707
 708
 709
 710
 711
 712
 713
 714
 715
 716
 717
 718
 719
 720
 721
 722
 723
 724
 725
 726
 727
 728
 729
 730
 731
 732
 733
 734
 735
 736
 737
 738
 739
 740
 741
 742
 743
 744
 745
 746
 747
 748
 749
 750
 751
 752
 753
 754
 755
 756
 757
 758
 759
 760
 761
 762
 763
 764
 765
 766
 767
 768
 769
 770
 771
 772
 773
 774
 775
 776
 777
 778
 779
 780
 781
 782
 783
 784
 785
 786
 787
 788
 789
 790
 791
 792
 793
 794
 795
 796
 797
 798
 799
 800
 801
 802
 803
 804
 805
 806
 807
 808
 809
 810
 811
 812
 813
 814
 815
 816
 817
 818
 819
 820
 821
 822
 823
 824
 825
 826
 827
 828
 829
 830
 831
 832
 833
 834
 835
 836
 837
 838
 839
 840
 841
 842
 843
 844
 845
 846
 847
 848
 849
 850
 851
 852
 853
 854
 855
 856
 857
 858
 859
 860
 861
 862
 863
 864
 865
 866
 867
 868
 869
 870
 871
 872
 873
 874
 875
 876
 877
 878
 879
 880
 881
 882
 883
 884
 885
 886
 887
 888
 889
 890
 891
 892
 893
 894
 895
 896
 897
 898
 899
 900
 901
 902
 903
 904
 905
 906
 907
 908
 909
 910
 911
 912
 913
 914
 915
 916
 917
 918
 919
 920
 921
 922
 923
 924
 925
 926
 927
 928
 929
 930
 931
 932
 933
 934
 935
 936
 937
 938
 939
 940
 941
 942
 943
 944
 945
 946
 947
 948
 949
 950
 951
 952
 953
 954
 955
 956
 957
 958
 959
 960
 961
 962
 963
 964
 965
 966
 967
 968
 969
 970
 971
 972
 973
 974
 975
 976
 977
 978
 979
 980
 981
 982
 983
 984
 985
 986
 987
 988
 989
 990
 991
 992
 993
 994
 995
 996
 997
 998
 999
 1000
 1001
 1002
 1003
 1004
 1005
 1006
 1007
 1008
 1009
 1010
 1011
 1012
 1013
 1014
 1015
 1016
 1017
 1018
 1019
 1020
 1021
 1022
 1023
 1024
 1025
 1026
 1027
 1028
 1029
 1030
 1031
 1032
 1033
 1034
 1035
 1036
 1037
 1038
 1039
 1040
 1041
 1042
 1043
 1044
 1045
 1046
 1047
 1048
 1049
 1050
 1051
 1052
 1053
 1054
 1055
 1056
 1057
 1058
 1059
 1060
 1061
 1062
 1063
 1064
 1065
 1066
 1067
 1068
 1069
 1070
 1071
 1072
 1073
 1074
 1075
 1076
 1077
 1078
 1079
 1080
 1081
 1082
 1083
 1084
 1085
 1086
 1087
 1088
 1089
 1090
 1091
 1092
 1093
 1094
 1095
 1096
 1097
 1098
 1099
 1100
 1101
 1102
 1103
 1104
 1105
 1106
 1107
 1108
 1109
 1110
 1111
 1112
 1113
 1114
 1115
 1116
 1117
 1118
 1119
 1120
 1121
 1122
 1123
 1124
 1125
 1126
 1127
 1128
 1129
 1130
 1131
 1132
 1133
 1134
 1135
 1136
 1137
 1138
 1139
 1140
 1141
 1142
 1143
 1144
 1145
 1146
 1147
 1148
 1149
 1150
 1151
 1152
 1153
 1154
 1155
 1156
 1157
 1158
 1159
 1160
 1161
 1162
 1163
 1164
 1165
 1166
 1167
 1168
 1169
 1170
 1171
 1172
 1173
 1174
 1175
 1176
 1177
 1178
 1179
 1180
 1181
 1182
 1183
 1184
 1185
 1186
 1187
 1188
 1189
 1190
 1191
 1192
 1193
 1194
 1195
 1196
 1197
 1198
 1199
 1200
 1201
 1202
 1203
 1204
 1205
 1206
 1207
 1208
 1209
 1210
 1211
 1212
 1213
 1214
 1215
 1216
 1217
 1218
 1219
 1220
 1221
 1222
 1223
 1224
 1225
 1226
 1227
 1228
 1229
 1230
 1231
 1232
 1233
 1234
 1235
 1236
 1237
 1238
 1239
 1240
 1241
 1242
 1243
 1244
 1245
 1246
 1247
 1248
 1249
 1250
 1251
 1252
 1253
 1254
 1255
 1256
 1257
 1258
 1259
 1260
 1261
 1262
 1263
 1264
 1265
 1266
 1267
 1268
 1269
 1270
 1271
 1272
 1273
 1274
 1275
 1276
 1277
 1278
 1279
 1280
 1281
 1282
 1283
 1284
 1285
 1286
 1287
 1288
 1289
 1290
 1291
 1292
 1293
 1294
 1295
 1296
 1297
 1298
 1299
 1300
 1301
 1302
 1303
 1304
 1305
 1306
 1307
 1308
 1309
 1310
 1311
 1312
 1313
 1314
 1315
 1316
 1317
 1318
 1319
 1320
 1321
 1322
 1323
 1324
 1325
 1326
 1327
 1328
 1329
 1330
 1331
 1332
 1333
 1334
 1335
 1336
 1337
 1338
 1339
 1340
 1341
 1342
 1343
 1344
 1345
 1346
 1347
 1348
 1349
 1350
 1351
 1352
 1353
 1354
 1355
 1356
 1357
 1358
 1359
 1360
 1361
 1362
 1363
 1364
 1365
 1366
 1367
 1368
 1369
 1370
 1371
 1372
 1373
 1374
 1375
 1376
 1377
 1378
 1379
 1380
 1381
 1382
 1383
 1384
 1385
 1386
 1387
 1388
 1389
 1390
 1391
 1392
 1393
 1394
 1395
 1396
 1397
 1398
 1399
 1400
 1401
 1402
 1403
 1404
 1405
 1406
 1407
 1408
 1409
 1410
 1411
 1412
 1413
 1414
 1415
 1416
 1417
 1418
 1419
 1420
 1421
 1422
 1423
 1424
 1425
 1426
 1427
 1428
 1429
 1430
 1431
 1432
 1433
 1434
 1435
 1436
 1437
 1438
 1439
 1440
 1441
 1442
 1443
 1444
 1445
 1446
 1447
 1448

99	Nguyễn Khánh Như	DS0647	1986	Nữ	TS		Lịch sử Thế giới	Lịch sử Thế giới	- So sánh giáo dục đại học Việt Nam và thế giới (History Education Comparative Research) (世界高等教育比较) - Phương pháp dạy học Lịch sử (Method of teaching in history) (历史教学方法) - Lịch sử thế giới (World History) (世界历史) - Lịch sử - Văn hóa - Dân tộc (History – Culture – Nation) (历史-文化-民族)
100	Nguyễn Thị Hải	DS0221	1983	Nữ	TS		Lịch sử	Lịch sử và Văn minh	Lịch sử Việt Nam; Lịch sử và văn hóa các tộc người thiểu số
101	Nguyễn Thị Hòa	DS0629	1990	Nữ	TS		Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Việt Nam, Văn hóa dân tộc
102	Trần Dương Bắc	DS0739	1997	Nam	ĐH		Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
	Khoa Địa lý								

103	Dương Quỳnh Phương	DS0246	1974	Nữ	TS	PGS	Khoa học trái đất	Địa lí	Văn hóa các dân tộc Vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên của các dân tộc Dân số, lao động, việc làm Các ngành kinh tế Giáo dục giá trị văn hóa; giáo dục giá trị di sản; giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản...
104	Kim Ngọc Thu Trang	DS0226	1982	Nữ	TS		Lịch sử Thế giới	Lịch sử Thế giới	Lịch sử Thế giới
105	Lê Thị Nguyệt	DS0507	1983	Nữ	TS	PGS	Khoa học trái đất	Địa lí tự nhiên	Địa lí tự nhiên, Phương pháp dạy học Địa lí
106	Nghiêm Văn Long	DS0657	1991	Nam	TS		Địa lý học	Địa lí học	Địa lí kinh tế-xã hội
107	Nguyễn Phương Liên	DS0250	1975	Nữ	TS	PGS	Địa lý	PPDH Địa lý	Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá
108	Nguyễn Thanh Mai	DS0630	1989	Nữ	TS		Địa lý học	Địa lí học	Địa lí kinh tế - xã hội
109	Nguyễn Thị Huyền	DS0688	1990	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	LL&PPDH Địa lí	Khoa học giáo dục
110	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	DS0252	1975	Nữ	TS		Địa lý	Địa lí Nhân văn	Địa lí kinh tế - xã hội
111	Nguyễn Thị Thu Hà	DS0254	1977	Nữ	Th.S		Địa lý	Địa lý	Địa lí
112	Nguyễn Văn Quyết	DS0593	1986	Nam	TS		Nguyên lý giáo dục học	Nguyên lý giáo dục học	Nguyên lý giáo dục học
113	Nông Thị Thúy	DS0143	1973	Nữ	Th.S		Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học

114	Phạm Hương Giang	DS0240	1984	Nữ	TS		Địa lý	Địa lý tự nhiên	Địa lý tự nhiên, Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Lý luận và phương pháp dạy học Địa lí.
115	Phạm Tất Thành	DS0242	1984	Nam	Th.S		Địa lý tự nhiên	Địa lý tự nhiên	Các vấn đề địa lý tự nhiên; Ứng dụng GIS và tin học trong địa lý, Ứng dụng CNTT trong giảng dạy; Đào tạo trực tuyến và dạy học đa phương tiện.
116	Phạm Thu Thủy	DS0239	1983	Nữ	TS		Địa lý	Địa lý tự nhiên	Địa lý tự nhiên
117	Phạm Thùy Trang	DS0741	1997	Nữ	Th.S		Thành phố thông minh	Thành phố thông minh	Lịch sử Việt Nam
118	Vũ Vân Anh	DS0245	1982	Nữ	TS		Địa lý	Địa lý học	Địa lý kinh tế xã hội, địa lý nhân văn, dân số, lao động, việc làm, kinh tế, chất lượng cuộc sống các dân tộc thiểu số
119	Đào Duy Minh	DS0253	1987	Nam	TS		Kinh tế	Bản đồ và GIS	Thủy văn và mô hình thủy văn, bản đồ, GIS và Viễn thám, quản lý tài nguyên thiên nhiên...
120	Đỗ Hồng Thái	DS0118	1962	Nam	TS	PGS	Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học
121	Đỗ Văn Hào	DS0251	1968	Nam	TS	PGS	Khoa học giáo dục	PPDH Địa lý	Phương pháp dạy học môn Địa lí

DU
TB
ĐA
SI
HO

	Khoa Giáo dục chính trị								
122	Hoàng Thu Thủy	DS0409	1981	Nữ	TS		Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
123	Lê Dung Nhi	DS0748	1995	Nữ	Th.S		LL&PPDH bộ môn Lý luận chính trị	LL&PPDH bộ môn Lý luận chính trị	LL&PPDH bộ môn Lý luận chính trị
124	Lê Thị Thu Hương	DS0232	1984	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lí luận và PPDH Lịch sử	Lí luận và PPDH Lịch sử
125	Lý Trung Thành	DS0408	1976	Nam	TS		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa học xã hội và nhân văn
126	Ngô Thị Lan Anh	DS0419	1982	Nữ	TS		Triết học	Triết học	Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Mỹ học, Triết học phương Đông, Triết học phương Tây, Tôn giáo học, Văn hóa học, Kiểm tra đánh giá, PPGD

Nguyễn

VÀ
TÔN
H
PH
TH

127	Nguyễn Hữu Toàn	DS0410	1979	Nam	TS		Lịch sử Đảng	Lịch sử Phong trào Công sản, Công nhân quốc tế và Giải phóng dân tộc	Lịch sử; Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam; Khoa học chính trị; Quan hệ quốc tế
128	Nguyễn Mai Anh	DS0693	1987	Nữ	Th.S		Luật học	Luật học	Luật học
129	Nguyễn Thị Khương	DS0420	1978	Nữ	TS		Triết học	Triết học	Triết học, Chính trị học, LLCT, Phương pháp dạy học...
130	Nguyễn Thị Ngọc	DS0468	1982	Nữ	TS	PGS	Khoa học giáo dục	Lý luận và lịch sử giáo dục	Lý luận và lịch sử giáo dục
131	Nguyễn Thị Thanh Hà	DS0417	1981	Nữ	TS		Triết học	Triết học	Triết học
132	Nguyễn Tuấn Anh	DS0411	1980	Nam	TS		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
133	Phạm Thị Huyền	DS0406	1979	Nữ	TS		Khoa học chính trị	Khoa học chính trị	Lý luận chính trị, Giáo dục công dân, Phương pháp giảng dạy; Chính trị học; Hồ Chí Minh học,...
134	Thái Hữu Linh	DS0605	1988	Nam	Th.S		Khoa học giáo dục	Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục chính trị	Phương pháp giảng dạy

135	Trần Thanh An	DS0634	1990	Nữ	Th.S		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
136	Trần Thị Lan	DS0401	1979	Nữ	TS		Triết học	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học, Chính trị học, Phát triển chương trình, Gia đình, nguồn lực con người, trí thức, trí thức giáo dục, phương pháp dạy học
137	Vũ Thị Thủy	DS0397	1979	Nữ	TS		Chính trị học	Hồ Chí Minh học	Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Dân tộc học, Phát triển chương trình
138	Đồng Văn Quân	DS0006	1962	Nam	TS		Triết học	Triết học	Triết học, Logic học, Văn hoá, Lý luận chính trị, Phương pháp giảng dạy....
	Khoa Giáo dục Mầm non								
139	Bùi Đức Nguyên	DS0517	1977	Nam	TS	PGS	Hóa học	Hóa vô cơ	Synthesis of nanomaterial photocatalysts and their applications in degradation of organic pollutants
140	Cao Thị Thu Hoài	DS0526	1985	Nữ	TS		Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	Văn học Việt Nam	Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam.



141	Dương Nguyệt Vân	DS0501	1978	Nữ	TS		Văn học dân gian	Văn học dân gian	Văn học, văn hóa dân gian + Văn học trong mối quan hệ với văn hóa + Tiếp cận văn học dân gian theo đặc trưng thể loại
142	Dương Thị Thúy Vinh	DS0559	1982	Nữ	TS		Ngôn ngữ Việt Nam	Ngôn ngữ Việt Nam	Văn - Tiếng Việt, Giáo dục Mầm non
143	Dương Thị Tú Anh	DS0348	1970	Nữ	TS	PGS	Hóa học	Hóa Phân tích	Phân tích Điện hóa, Phân tích môi trường
144	Hà Trần Phương	DS0258	1971	Nam	TS	PGS	Toán học	Toán giải tích	Toán giải tích
145	Hoàng Thị Trà Mi	DS0509	1985	Nữ	Th.S		Lịch sử thế giới	Lịch sử Thế giới	Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Giáo dục học
146	Hoàng Văn Ngọc	DS0378	1976	Nam	TS	PGS	Sinh học	Sinh học	Đa dạng và bảo tồn động vật
147	Hoàng Điệp	DS0202	1976	Nữ	TS		Ngữ văn	Văn học	Văn học - KHXH
148	Lê Huy Hoàng	DS0350	1985	Nam	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn hóa học	Giáo dục học
149	Lê Thị Hương Giang	DS0181	1976	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ học
150	Lê Thị Thanh Huệ	DS0608	1985	Nữ	TS		Lý luận và lịch sử giáo dục	Lý luận và Lịch sử giáo dục	Lý luận và Lịch sử giáo dục
151	Lê Thị Thương Thương	DS0562	1984	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Giáo dục Mầm non

152	Lê Thùy Linh	DS0464	1981	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận và lịch sử Giáo dục tại trường Đại học Sư phạm	Giáo dục học; Quản lý giáo dục.
153	Lương Thị Hải Vân	DS0193	1984	Nữ	TS		Văn học cổ đại Trung Quốc	Văn học và ngôn ngữ	Văn hóa và ngôn ngữ
154	Lưu Phương Thảo	DS0281	1978	Nữ	TS		Toán học	Đại số và lý thuyết số	Đại số giao hoán
155	Mai Thanh Nga	DS0518	1978	Nữ	TS		Hóa học	Hóa hữu cơ	Hợp chất thiên nhiên
156	Ngô Mạnh Dũng	DS0563	1984	Nam	TS		Sinh học	Di truyền học	Sinh học, Giáo dục học mầm non
157	Ngô Thị Thanh Nga	DS0190	1977	Nữ	TS		Ngữ văn	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam
158	Ngô Thị Thu Trang	DS0194	1980	Nữ	TS		Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn Hán Nôm, văn học trung đại, văn hóa Việt Nam, văn hóa và tư tưởng phương Đông.
159	Nguyễn Duy Nam	DS0691	1988	Nam	TS		Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
160	Nguyễn Hữu Quân	DS0530	1985	Nam	TS	PGS	Sinh học	Sinh học	Hóa sinh học
161	Nguyễn Ngọc Hiếu	DS0453	1981	Nam	Th.S		Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học



DU
TR
ĐA
SU
HOC

162	Nguyễn Thị Bích	DS0653	1979	Nữ	TS		Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam hiện đại; + Khoa học giáo dục; + Phương pháp giảng dạy Ngữ văn
163	Nguyễn Thị Hà	DS0370	1978	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận và phương pháp dạy học sinh học	Nghiên cứu đổi mới PPDH, Dạy học phát triển năng lực, Dạy học STEM
164	Nguyễn Thị Hạnh	DS0424	1988	Nữ	Th.S		Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị	Nghiên cứu sâu về khoa học kinh tế chính trị, giáo dục kinh tế, kinh tế học và kinh tế phát triển
165	Nguyễn Thị Hoa	DS0566	1985	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Giáo dục học	Giáo dục mầm non
166	Nguyễn Thị Hường	DS0402	1975	Nữ	TS		Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giai cấp công nhân, Giới, Phương pháp dạy học.
167	Nguyễn Thị Quế Loan	DS0220	1971	Nữ	TS	PGS	Nhân học văn hóa	Nhân học văn hoá	Nhân học văn hóa, Dân tộc học, Lịch sử Việt Nam, Giáo dục học.
168	Nguyễn Thị Thanh Vân	DS0699	1989	Nữ	Th.S		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục
169	Nguyễn Thị Thu Huyền	DS0773	1988	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục
170	Nguyễn Thị Tính	DS0005	1964	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học



171	Nguyễn Thị Tố Loan	DS0346	1981	Nữ	TS	PGS	Hóa học	Hóa vô cơ	Hóa vô cơ, Hóa học nano
172	Nguyễn Thị Út Sáu	DS0459	1982	Nữ	TS	PGS	Tâm lý học	Tâm lý học chuyên ngành	Tâm lý học Mầm non; Giáo dục kỹ năng sống; Công tác xã hội trường học; Giao tiếp sư phạm mầm non
173	Nguyễn Thùy Linh	DS0777	2002	Nữ	ĐH		Tâm lý học giáo dục	Tâm lý học giáo dục	Tâm lý học giáo dục
174	Nguyễn Đức Hùng	DS0394	1986	Nam	TS	PGS	Sinh học	Dược học	Dược học
175	Nguyễn Đức Thắng	DS0505	1984	Nam	TS		Khảo cổ học	Khảo cổ học	Khảo cổ học
176	Nguyễn Đức Tuấn	DS0486	1980	Nam	Th.S		Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học
177	Phạm Thị Hiền	DS0779	1996	Nữ	Th.S		Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học
178	Phạm Thị Hoài Thu	DS0515	1978	Nữ	Th.S		Toán học	Toán học	Toán học
179	Sỹ Danh Thường	DS0364	1981	Nam	TS	PGS	Sinh học	Sinh học	Đa dạng sinh học và bảo tồn
180	Thái Quốc Bảo	DS0316	1981	Nam	Th.S		Giáo dục học	Lí luận & Phương pháp dạy học vật lý	Nghiên cứu Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non; Giáo dục STEAM và ứng dụng GD STEAM trong giáo dục mầm non
181	Trần Thị Minh Huế	DS0470	1977	Nữ	TS		Giáo dục học	Lý luận và lịch sử giáo dục	Khoa học giáo dục

182	Trần Thị Ngọc Anh	DS0207	1981	Nữ	TS		Ngữ văn	Lí luận văn học	Lý luận văn học; Văn học các DTTS, Khoa học giáo dục
183	Trần Thị Nhung	DS0195	1986	Nữ	TS		Văn học cổ đại Trung Quốc	Văn học cổ đại Trung Quốc	Văn học Việt Nam; Văn học Trung Quốc; Văn học trẻ em; Giáo dục mầm non
184	Trần Đức Văn	DS0243	1982	Nam	Th.S		Địa lý tự nhiên	Địa lý tự nhiên	Địa lí tự nhiên, viễn thám và hệ thống thông tin địa lí
185	Trương Thị Thùy Anh	DS0655	1989	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Giáo dục Mầm non	Văn học; Giáo dục học mầm non
186	Từ Quang Tân	DS0120	1979	Nam	TS	PGS	Sinh học	Di truyền và chọn giống động vật	Công nghệ tế bào động vật, Sinh lý người và động vật
187	Vũ Thị Thủy	DS0568	1986	Nữ	TS		Lý luận và Lịch sử giáo dục	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non
188	Vũ Trọng Lượng	DS0393	1986	Nam	Th.S		Sinh học thực nghiệm	Sinh học thực nghiệm	Sinh học thực nghiệm, Giáo dục học, Di truyền học
189	Đặng Thị Phương Thảo	DS0076	1984	Nữ	TS		Lý luận và lịch sử giáo dục	Quản lý Giáo dục	Quản lý Giáo dục
190	Đinh Thúy Vân	DS0341	1987	Nữ	TS		Hóa học	Hóa Hữu cơ	Hóa Hữu cơ
191	Đinh Đức Hợi	DS0451	1977	Nam	TS	PGS	Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học nhân cách, TLH phát triển, Tâm lý học ứng dụng

	Khoa Giáo dục tiểu học								
192	Bùi Thế Hùng	DS0261	1980	Nam	TS		Toán học	Toán Giải tích	Lý thuyết tối ưu, Giải tích phi tuyến, Lý thuyết điểm bất động
193	Chu Mạnh Nhung	DS0353	1983	Nam	TS	PGS	Hóa học	Hóa học	Hóa học
194	Dương Ngọc Toàn	DS0338	1983	Nam	TS	PGS	Hóa học	Hóa Hữu cơ	Tổng hợp các hợp chất hữu cơ mới có hoạt tính sinh học
195	Dương Thu Trang	DS0637	1989	Nữ	Th.S		LL& Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	Mỹ thuật
196	Hồ Thủy Ngân	DS0567	1985	Nữ	Th.S		Nghệ thuật sân khấu	Sân khấu	Múa
197	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	DS0506	1982	Nữ	TS		Sử học	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Việt Nam, Giáo dục học
198	Hoàng Trung Thắng	DS0467	1978	Nam	TS		Lý luận và lịch sử giáo dục	Giáo dục học	Giáo dục học
199	Hoàng Xuân Trường	DS0594	1987	Nam	TS		Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Thế giới	Lịch sử Thế giới
200	Lâm Thùy Dương	DS0543	1977	Nữ	TS		Toán học	Toán Giải tích	Toán học, Phương pháp giảng dạy
201	Lê Thị Bình	DS0525	1979	Nữ	Th.S		Giáo dục học	Lý luận và Phương pháp dạy học Vật lý	PP giảng dạy; STEM
202	Lê Thị Lệ Thủy	DS0131	1969	Nữ	TS		Văn học	Văn học	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

203	Lê Thị Thu Hương	DS0546	1981	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học	Giáo dục học	LL và PPDH bộ môn Toán
204	Lương Ngọc Quỳnh	DS0761	1982	Nam	Th.S		LL&PP dạy học Âm nhạc	LL&PP dạy học Âm nhạc	Phương pháp dạy học âm nhạc
205	Lưu Thu Trang	DS0727	1989	Nữ	Th.S		Ngữ văn học	Ngữ văn	Ngữ văn
206	Mai Xuân Trường	DS0137	1973	Nam	TS	PGS	Hóa học	Hóa Phân tích	Hóa Phân tích
207	Nguyễn Huy Vinh	DS0731	1996	Nam	Th.S		LL&PPDH dạy học bộ môn Toán	LL&PPDH Bộ môn Toán	LL&PPDH Bộ môn Toán
208	Nguyễn Mạnh Tiến	DS0502	1986	Nam	TS		Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ
209	Nguyễn Thanh Tiến	DS0606	1985	Nam	TS		LL&PP dạy học Âm nhạc	Lý luận và PPDH Âm nhạc	Âm nhạc
210	Nguyễn Thành Trung	DS0484	1980	Nam	Th.S		Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
211	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	DS0549	1981	Nữ	TS	PGS	Khoa học giáo dục	Lý luận và lịch sử giáo dục	Lý luận và lịch sử giáo dục
212	Nguyễn Thị Mão	DS0405	1974	Nữ	Th.S		Kinh tế	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị, Lao động việc làm, Kinh tế phát triển, Nông nghiệp nông thôn, Năng suất lao động, Giáo dục, xã hội

Nguyễn

213	Nguyễn Thị Minh Hiền	DS0412	1981	Nữ	Th.S		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng CSVN	Lịch sử Đảng, Đường lối cách mạng của Đảng, Công tác bảo tồn phát huy giá trị bản sắc văn hóa của Đảng, giáo dục kỹ năng sống, phát triển kỹ năng con người.
214	Nguyễn Thị Minh Thủy	DS0524	1981	Nữ	TS	PGS	Vật lý	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử
215	Nguyễn Thị Thu Hà	DS0541	1983	Nữ	TS		Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ học
216	Nguyễn Thị Thu Hằng	DS0548	1982	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Giáo dục học	Giáo dục học
217	Nguyễn Thị Thu Hiền	DS0421	1982	Nữ	Th.S		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Triết học	Triết học
218	Nguyễn Thị Trang	DS0656	1990	Nữ	TS		Nghiên cứu xã hội và nghiên cứu văn hóa	Lịch sử Thế giới	Lịch sử thế giới



219	Nguyễn Thu Quỳnh	DS0184	1983	Nữ	TS		Ngôn ngữ	Ngôn ngữ học	Lí luận ngôn ngữ, Ngôn ngữ học tri nhận, Ngôn ngữ và văn hóa, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài
220	Nguyễn Tú Quyên	DS0535	1980	Nữ	TS		Ngữ văn	Lí luận ngôn ngữ	Ngôn ngữ học
221	Nguyễn Văn Thiều	DS0560	1980	Nam	Th.S		Văn hóa học	Văn hóa học	Âm nhạc trong nghi lễ diễn xướng Then
222	Nông Thị Trang	DS0536	1980	Nữ	Th.S		Khoa học xã hội và nhân văn (Văn học Việt Nam)	Văn học Việt Nam	Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam
223	Phạm Hồng Chuyên	DS0334	1978	Nữ	Th.S		Hóa học	Hóa Phân tích	Hóa Phân tích
224	Phạm Hữu Kiên	DS0307	1980	Nam	TS	PGS	Vật lý	Vật lý	Vật lý kỹ thuật
225	Phạm Minh Thùy	DS0617	1978	Nam	Th.S		LL&PP dạy học Âm nhạc	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc	Giáo dục âm nhạc
226	Phạm Thị Hà Thanh	DS0345	1976	Nữ	TS		Hóa học	Hóa Vô cơ	Hóa học vô cơ, Hóa học vật liệu
227	Phạm Văn Khang	DS0337	1982	Nam	TS	PGS	Hóa học	Hóa hữu cơ	Organic Chemistry, Natural Product, Semi-synthesis chemistry
228	Phan Đình Quang	DS0318	1969	Nam	Th.S		Giáo dục học	Phương pháp giảng dạy Vật lý	Phương pháp giảng dạy Vật lý

229	Trần Ngọc Bích	DS0545	1978	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Khoa học Giáo dục
230	Trần Quốc Toàn	DS0611	1984	Nam	TS	PGS	Hóa học	Hoá Phân Tích	Hóa lý thuyết và Hóa lý
231	Trần Thị Kim Hoa	DS0671	1978	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt	Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt
232	Trần Thị Ngọc	DS0591	1989	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn	Khoa học Giáo dục
233	Vũ Thị Hồng Hạnh	DS0302	1979	Nữ	TS	PGS	Vật lý	Vật lý chất rắn	Vật lý chất rắn
234	Vũ Thúy Hằng	DS0407	1986	Nữ	Th.S		Triết học	Triết học	Triết học, Phương pháp giảng dạy, tôn giáo tín ngưỡng

Nguyễn

235	Đặng Thị Lệ Tâm	DS0539	1979	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận và PPDH Văn-Tiếng Việt	Phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt ở trường phổ thông; - Chương trình và sách giáo khoa môn Ngữ văn của Việt Nam; So sánh chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn của Việt Nam và nước ngoài; Giáo dục kỹ năng sống và giáo dục giá trị sống; Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, sinh viên
236	Đào Huyền Trang	DS0638	1987	Nữ	Th.S		Mỹ thuật	Hội họa	Mỹ thuật
237	Đào Ngọc Anh	DS0480	1978	Nam	Th.S		Huấn luyện giáo dục thể chất	GDTC & HL thể thao	GDTC & HL thể thao
238	Đỗ Mạnh Hải	DS0561	1983	Nam	Th.S		Văn hóa học	Văn hóa học	Văn hoá học
239	Đỗ Thị Huế	DS0303	1987	Nữ	TS	PGS	Vật lý	Vật lý chất rắn	Vật lý chất rắn
240	Đỗ Thị Linh Chi	DS0678	1981	Nữ	Th.S		Văn hóa học	Văn hóa học	Thanh nhạc, Phương pháp dạy học âm nhạc
241	Đỗ Thùy Chi	DS0298	1982	Nữ	TS	PGS	Vật lý	Vật lý chất rắn	Vật lý chất rắn, quang học quang phổ



242	Đỗ Vũ Sơn	DS0064	1964	Nam	TS	PGS	Địa lý	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý	Bản đồ học, phương pháp dạy học
243	Đoàn Thị Hồng Nhung	DS0689	1992	Nữ	Th.S		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục
244	Đoàn Thị Minh Thái	DS0276	1981	Nữ	Th.S		Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	Khoa học giáo dục, Khoa học máy tính, Ứng dụng CNTT trong dạy học, Giáo dục STEM, Chuyển đổi số trong giáo dục
	Khoa Thể dục thể thao								
245	Lê Văn Hùng	DS0664	1990	Nam	Th.S		Khoa học giáo dục	Sư phạm TDTT	Giáo dục thể chất
246	Mã Thiêm Phách	DS0635	1990	Nam	Th.S		Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất
247	Ma Đức Tuấn	DS0479	1984	Nam	TS		Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
248	Nguyễn Huy Ánh	DS0712	1987	Nam	Th.S		Giáo dục học	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất



249	Nguyễn Mạnh Hùng	DS0485	1979	Nam	TS		Huấn luyện thể dục thể thao	Giáo dục Thể chất	Giáo dục thể chất
250	Nguyễn Nhạc	DS0602	1988	Nam	Th.S		Giáo dục Thể chất	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
251	Nguyễn Thị Hà	DS0603	1989	Nữ	Th.S		Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất	Y sinh học TDTT
252	Nguyễn Thị Thúy	DS0714	1989	Nữ	Th.S		Thể dục thể thao	Thể dục thể thao	Thể dục thể thao
253	Nguyễn Tiến Lâm	DS0764	1969	Nam	TS		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục
254	Nguyễn Văn Dũng	DS0483	1968	Nam	Th.S		Giáo dục học	Huấn luyện thể thao	Huấn luyện thể thao
255	Nguyễn Đức Trường	DS0604	1989	Nam	Th.S		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục
256	Phạm Thị Bích Thảo	DS0752	1986	Nữ	Th.S		Huấn luyện giáo dục thể chất	Huấn luyện giáo dục thể chất	Huấn luyện giáo dục thể chất
257	Phạm Tiến Thành	DS0772	1991	Nam	Th.S		LL&PP dạy học bộ môn giáo dục thể chất	LL&PP dạy học bộ môn giáo dục thể chất	LL&PP dạy học bộ môn giáo dục thể chất
258	Trần Minh Khương	DS0481	1976	Nam	Th.S		Giáo dục học	Bơi	Bơi
259	Trần Thị Tú	DS0494	1982	Nữ	TS	PGS	Thể dục thể thao	Giáo dục học	Khoa học giáo dục

260	Trương Đức Mạnh	DS0742	1994	Nam	Th.S		Giáo dục học	Giáo dục học	Khoa học giáo dục
261	Võ Xuân Thủy	DS0482	1985	Nam	TS		Xã hội học thể thao	Giáo dục học	Giáo dục học
262	Đào Thị Hoa Quỳnh	DS0476	1985	Nữ	TS		Huấn luyện thể dục thể thao	GDTC&Huấn luyện Thể thao	Huấn luyện Thể thao, Lý luận thể thao, Giáo dục thể chất và thể thao trường học
263	Đỗ Ngọc Cương	DS0490	1980	Nam	TS		Khoa học giáo dục	Giáo dục Thể chất	Giáo dục thể chất
	Khoa Ngoại ngữ								
264	Dương Công Đạt	DS0434	1979	Nam	TS		Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ học ứng dụng
265	Dương Thị Loan	DS0755	1999	Nữ	ĐH		Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh và tiếng nước ngoài
266	Hoàng Thị Kim Oanh	DS0626	1987	Nữ	Th.S		Tiếng Trung	Tiếng Trung	Khoa học giáo dục
267	Lê Huy Hoàng	DS0763	1986	Nam	Th.S		Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
268	Lê Thị Thu Hương	DS0439	1982	Nữ	TS		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy, Văn hóa, thực hành tiếng (nghe- Nói)
269	Mai Văn Cẩn	DS0427	1968	Nam	Th.S		Khoa học - Xã hội nhân văn	Khoa học - xã hội và nhân văn	Ngôn ngữ học ứng dụng
270	Ngô Thị Bích Ngọc	DS0436	1982	Nữ	TS		Tiếng Anh	Ngôn ngữ và Văn học Anh	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, ngôn ngữ

271	Ngô Thu Huyền	DS0737	1998	Nữ	Th.S		Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, ngôn ngữ
272	Nguyễn Thanh Bình	DS0679	1986	Nam	TS	PGS	Vật lý	Vật lý chất rắn	Vật lý chất rắn
273	Nguyễn Thảo Vân	DS0765	2001	Nữ	Th.S		Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác
274	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	DS0441	1981	Nữ	Th.S		1. Tiếng Trung Quốc; 2. Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Khoa học giáo dục
275	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	DS0438	1981	Nữ	TS		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Ngôn ngữ và văn hoá Anh, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá Tiếng Anh
276	Nguyễn Thị Hồng Minh	DS0437	1982	Nữ	TS		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, đào tạo giáo viên tiếng Anh, giáo dục
277	Phạm Thị Kiều Oanh	DS0444	1987	Nữ	TS		Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh, Lý luận & Phương pháp giảng dạy tiếng Anh



myz

278	Phạm Trung Kiên	DS0738	2000	Nam	Th.S		Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp giảng dạy cho học sinh sử dụng ngôn ngữ khác
279	Phùng Thị Thanh Tú	DS0443	1978	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
280	Tô Thị Thuyên	DS0760	1997	Nữ	ĐH		Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
281	Trần Thị Hoài Linh	DS0770	1991	Nữ	Th.S		Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Định hướng ứng dụng
282	Trần Thị Hồng Thúy	DS0769	2003	Nữ	ĐH		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh
283	Trần Thị Nam Phương	DS0732	1993	Nữ	Th.S		Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp dạy học tiếng Anh
284	Trần Thị Thảo	DS0718	1981	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
285	Trần Thị Yên	DS0123	1987	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy, Từ vựng, Ngữ pháp
286	Vi Thị Trung	DS0428	1969	Nữ	Th.S		Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ học ứng dụng	Giáo dục
287	Vũ Đình Bắc	DS0636	1988	Nam	Th.S		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Khoa học giáo dục
288	Đinh Thu Hằng	DS0766	2002	Nữ	ĐH		1. Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao); 2. Luật	1. Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao); 2. Luật	Ngôn ngữ Anh



Nguyễn

289	Đỗ Thị Ngọc Phương	DS0448	1988	Nữ	Th.S		Tiếng Anh	Tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy, Viết Tiếng anh
290	Đoàn Hồng Hạnh	DS0736	2000	Nữ	Th.S		Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (TESOL)	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
	Khoa Tâm lý giáo dục								
291	Bùi Ngọc Trang	DS0749	1994	Nữ	Th.S		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục
292	Bùi Việt Hoàng	DS0776	1998	Nam	Th.S		Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
293	Dương Thị Nga	DS0750	1976	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Lý luận và lịch sử GD	Giáo dục học, Tâm lý học, quản lý giáo dục.
294	Hà Thị Kim Linh	DS0466	1978	Nữ	TS	PGS	Khoa học giáo dục	Lý luận và Lịch sử sư phạm	Lý luận và Lịch sử sư phạm
295	Lê Như Hoa	DS0472	1988	Nữ	Th.S		Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học
296	Lê Thị Phương Hoa	DS0458	1976	Nữ	TS		Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học lứa tuổi- sư phạm, Tâm lý học trường học, Tâm bệnh học trẻ em
297	Nguyễn Thị Thanh Huyền	DS0463	1977	Nữ	TS	PGS	Giáo dục học	Giáo dục học	Giáo dục học; Quản lý giáo dục

Handwritten signature

298	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	DS0687	1990	Nữ	TS		Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học học đường, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học phát triển...
299	Phạm Văn Cường	DS0452	1980	Nam	TS		Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học
300	Phí Thị Hiếu	DS0454	1978	Nữ	TS	PGS	Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học, giáo dục học, quản lý giáo dục
301	Vũ Thị Phương Thảo	DS0663	1989	Nữ	Th.S		Khoa học giáo dục	Giáo dục học	Giáo dục học
302	Đàm Thị Kim Thu	DS0670	1989	Nữ	TS		Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục	Lý luận và lịch sử giáo dục

C. Tỷ lệ sinh viên /giảng viên cơ hữu: 23,3

PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC
TRƯỞNG PHÒNG



TS. Nguyễn Thị Ngân

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS Mai Xuân Trường

UYÊN TẠO